TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2023/HSST
Ngày: 14/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P , THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ ông Nguyễn Đình Thức;

2/ Bà Trần Quang Cảnh;

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận P , Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P , Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Khổng Sơn Tùng là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận P , Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2022/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN ÁI V** ; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1976 tại Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: đường T, Phường X, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Xuân B, sinh năm 1952 và bà Thiều Thị Minh C, sinh năm 1952; Vợ: Lưu Thị N, sinh năm 1984; Con: Có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/8/2022;

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 ngụ tại xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng Thương mại cổ phần xăng dầu P (PG Bank) chi nhánh Sài Gòn;

Địa chỉ trụ sở: đường L, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991 – Chuyên viên xử lý nợ;

2/ Bà Lưu Thị N, sinh năm 1984 ngụ tại đường T, Phường Y, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Bà Vũ Thị Kim H, sinh năm 1966 ngụ tại đường T, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh;

4/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 ngụ tại đường C, phường T, quận P , Thành phố Hồ Chí Minh;

5/ Ông Vũ Minh T, sinh năm 1978 ngụ tại đường B, phường T, quận P , Thành phố Hồ Chí Minh;

6/ Ông Lê Văn S1, sinh năm 1980, địa chỉ đường T, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương;

(ông S, ông S1 có mặt, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ái V là chủ doanh nghiệp tư nhân sản xuất - thương mại P, trong quá trình kinh doanh, V và vợ là Lưu Thị N đã ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn để vay vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần xăng dầu P (PG Bank) chi nhánh Sài Gòn (địa chỉ đường L, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo các hợp đồng số 0112.14.454/HĐTD/TH-PN ngày 03/10/2014 vay số tiền 290.000.000 đồng và hợp đồng số 454/0127/15/PN-TH/HĐTD ngày 07/02/2015 vay số tiền 420.000.000 đồng nhằm mua xe ô tô tải hiệu VEAM VT200MB và xe ô tô hiệu Mazda BT-50. Để đảm bảo cho các khoản vay, V và N đã thế chấp cho ngân hàng PG Bank các tài sản sau:

- 01 xe ô tô tải hiệu VEAM, số loại VT200MB, biển số 51C-429.30 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2014 (thế chấp theo hợp đồng số 0112.14.454/HĐTC/PN ngày 15/10/2014).

- 01 xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT-50, biển số 51C-714.31 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 123428 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/12/2015 (thế chấp theo hợp đồng số 454/0127/15/PN-TH/TCOTO ngày 16/12/2015).

Việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật và ngân hàng PG Bank đã giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe như trên. Ngoài ra, theo các hợp đồng, bên thế chấp là Trần Ái V và vợ là Lưu Thị N không được sử dụng xe ô tô để thế chấp hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác; không được bán, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất cứ hình thức chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với xe ô tô, trừ trường hợp có văn bản đồng ý của PG Bank.

Trong quá trình kinh doanh, do thua lỗ, để có tiền để tiếp tục kinh doanh và trả nợ ngân hàng, vào đầu năm 2016 Trần Ái V có cầm cố xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT-50, biển số 51C-714.31 cho bà Vũ Thị Kim H để vay tổng số tiền 950.000.000 đồng, theo hợp đồng chuyển giao tài sản và giấy nhận tiền mua bán xe ngày 16/01/2016. Tuy nhiên, bà H không giữ xe trên mà để lại cho V quản lý, sử dụng. Khoảng tháng 5/2019,

bà H có mượn xe ô tô của V để sử dụng, đến tháng 3/2020 thì bà H đã trả lại xe cho V. Sau đó, xe ô tô trên đã bị mất trộm ở bãi đất trống ven sông T, thuộc huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do nghĩ rằng, bà H đã cho người đến lấy xe nên V đã không đi trình báo mà chờ trả tiền xong cho bà H thì mới đến lấy tại xe.

Qua làm việc, bà Vũ Thị Kim H khai V có cho bà H biết xe ô tô hiệu Mazda, số loại BT-50, biển số 51C-714.31 là tài sản thế chấp tại ngân hàng, tuy nhiên bà H vẫn cho V vay tiền để làm ăn, ngày 16/01/2016 giữa bà H và V có làm làm hợp đồng chuyển giao tài sản và giấy nhận tiền mua bán xe nhằm mục đích đảm bảo V sẽ trả nợ chứ không nhằm mục đích mua bán. Bà H cho biết V đã trả bà được 250.000.000 đồng, hiện nay số tiền V còn phải trả cho bà là 700.000.000 đồng. Bà H chỉ yêu cầu tự giải quyết dân sự đối với số tiền V đã vay mượn, không liên quan gì đến chiếc xe Mazda trên và cũng không có yêu cầu gì khác.

Năm 2017, để có tiền làm ăn, V tiếp tục đem ô tô tải hiệu VEAM, số loại VT200MB, biển số 51C-429.30 thế chấp cho Nguyễn Văn D để vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi cầm xe V có đưa sổ kiểm định xe và giấy chứng nhận đăng ký xe số 016155 (bản sao y của ngân hàng PG Bank) và có nói với D là xe đã thế chấp ngân hàng. Quá trình vay, V chỉ đóng lãi vài tháng đầu tiên, sau đó không đóng lãi nữa. Đến đầu năm 2019 do V không có khả năng trả nợ nên D yêu cầu V bán xe để trả tiền cho D thì V đồng ý. Thông qua sự giới thiệu của D, ngày 02/3/2019, Trần Ái V, Lưu Thị N đến văn phòng công chứng P , địa chỉ đường B, phường T, quận P , Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục công chứng hợp đồng mua bán xe cho anh Nguyễn Văn Đ với giá 150.000.000 đồng và được công chứng viên Vũ Minh T ký chứng nhận. Sau khi ký hợp đồng, theo thỏa thuận từ trước, anh Đ giao 150.000.000 đồng cho D (để trả nợ cho V), nhận xe và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155. Sau đó, anh Đ bán lại xe cho anh Lê Văn S1. Anh S1 qua tìm hiểu phát hiện giấy tờ xe giả nên cùng đại diện ngân hàng PG Bank đến cơ quan điều tra công an quận P trình báo vụ việc.

Tại cơ quan điều tra, anh Đ khai khi ký hợp đồng mua bán xe, anh Đ không biết xe ô tô tải hiệu VEAM, số loại VT200MB, biển số 51C-429.30 đang được thế chấp tại ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155 là giấy tờ giả. Sau khi nhận xe về sử dụng, do bận công việc nên anh Đ chưa đi làm thủ tục sang tên. Đến ngày 04/3/2021, anh Đ đã bán lại xe cho anh Lê Văn S1 với số tiền 110.000.000 đồng.

Anh Lê Văn S1 cho biết có mua lại xe ô tô tải hiệu VEAM, số loại VT200MB, biển số 51C-429.30, thông qua hợp đồng viết tay, sau khi ký hợp đồng anh Đ có đưa cho anh S1 một hợp đồng công chứng mua bán xe giữa anh Đ và Trần Ái V, Lưu Thị N, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155. Quá trình làm thủ tục sang tên xe ô tô biển số 51C-429.30, anh S1 có nhờ người tìm hiểu và biết được xe ô tô trên đang được thế chấp tại ngân hàng PG Bank, nên đã liên hệ với ngân hàng thì được biết giấy tờ xe anh S1 đang giữ là giả nên anh S1 và anh Nguyễn Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng PG Bank đã đến Cơ quan điều tra Công an quận P trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Ái V không thừa nhận làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155. Tuy nhiên V thừa nhận vào ngày 02/3/2019, tại thời điểm ký hợp đồng công chứng, khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ công chứng hợp đồng mua bán xe, V biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155 trong hồ sơ là giấy tờ giả do bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên hiện đang được ngân hàng PG Bank giữ, còn nguồn gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nêu trên là do Nguyễn Văn D cung cấp. Vì muốn có tiền trả nợ, nên dù biết giấy chứng nhận đăng ký xe trên là giả, V đã không thông báo với công chứng viên và anh Nguyễn Văn Đ, mà tiếp tục ký hợp đồng mua bán xe nhằm chiếm đoạt số tiền bán xe, trả nợ cho D. Ngoài ra, thời điểm V cầm xe ô tô tải hiệu VEAM, số loại VT200MB, biển số 51C-429.30 cho D, thì không có ai chứng kiến và V cũng không lữu giữ giấy tờ, tài liệu gì thể hiện việc cầm chiếc xe trên.

Nguyễn Văn D không thừa nhận làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe trên, đồng thời trình bày khi nhận cầm cố xe ô tô biển số 51C-429.30, V có đưa cho D giấy chứng nhận đăng ký xe 016155 bản chính. D không biết việc xe ô tô trên đang được thế chấp tại ngân hàng và giấy chứng nhận đăng ký xe mà V đưa là giả, còn giấy chứng nhận đăng ký xe thật đang được thế chấp tại ngân hàng.

Anh Vũ Minh T, công chứng viên văn phòng công chứng P , cho biết anh T đã kiểm tra kỹ hồ sơ công chứng. Khi ký hồ sơ đã cho Trần Ái V, Lưu Thị N và Nguyễn Văn Đ, kiểm tra lại toàn bộ giấy tờ bản chính và hợp đồng mua bán bao gồm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155 (bản chính), giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của V, N và Đ, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của V và N, giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu số HA20525/ĐKMD ngày 20/6/2012 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại P, cả hai bên đều không có ý kiến gì và đồng ý ký hợp đồng. Qua tra cứu trên hệ thống công chứng, xác nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155 chưa từng công chứng giao dịch nào, nhận thấy hợp đồng công chứng đầy đủ và các bên không có ý kiến gì nên anh T đã ký chứng nhận theo quy định. T không biết giấy chứng nhận đăng ký xe trên là giả

Theo Kết luận giám định số 3452/KLGĐ-TT ngày 01/06/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155, tên chủ xe DNTNSXTM P, biển số đăng ký 51C-429.30, đề ngày 02/10/2014 (ký hiệu A) là giả.

Theo kết luận định giá số 2040/KL-HĐĐGTS ngày 09/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận P , kết luận vào thời điểm định giá:

Ngày 02/3/2019: 01 xe ô tô tải hiệu VEAM, màu trắng loại VT200MB, biển số 51C-429.30, số máy D4BHE013560, số khung RN1D1B1B4ELG01144, trị giá 180.000.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 5720/KLGĐ-TT ngày 18/11/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Chữ ký - chữ viết họ tên "Trần Ái V", trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký, chữ viết của Trần Ái V trên các tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký và viết ra;

- Chữ ký dạng chữ viết tên "N", chữ viết họ tên "Lưu Thị N", trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Lưu Thị N trên các tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M9 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký và viết ra;

*** Vật chứng thu giữ:**

- Một (01) xe ô tô tải hiệu VEAM, màu trắng loại VT200MB, biển số 51C-429.30, số máy D4BHE013560, số khung B1B4ELG01144. Qua xác minh được biết do Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại P (Trần Ái V là chủ doanh nghiệp) đứng tên sở hữu. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P đã giao xe tải trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần xăng dầu P quản lý.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình làm việc đã rời khỏi địa phương nên chưa có yêu cầu cụ thể đối với vụ việc.

Anh Lê Văn S1 yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ trả lại 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng là tiền bị thiệt hại do mua xe ôtô biển số 51C-429.30;

Anh Nguyễn Thanh S là đại diện theo ủy quyền của của ngân hàng PG Bank yêu cầu tiếp tục giao xe ô tô tải hiệu VEAM màu trắng loại VT200MB, biển số 51C-429.30 để xử lý khoản nợ của Trần Ái V tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ái V đã thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 118/CT-VKSQTP ngày 18 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận P , Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Ái V về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 174 và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P , Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận P , Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Ái V về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 174 và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 38, điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Ái V mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 341, Điều 38, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt

bị cáo mức án từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù; đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xét xử cho bị cáo một mức án nhẹ để có cơ hội sửa sai và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận P , Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận P , Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để trả nợ nên vào ngày 02/3/2019, tại văn phòng Công chứng P số đường B, phường T, quận P , Trần Ái V mặc dù biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155 là giả nhưng có hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả này để làm thủ tục công chứng bán xe ôtô biển số 51C-429.30 cho anh Nguyễn Văn Đ nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng tiền mua xe của anh Đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, đồng thời còn trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại giấy tờ của Cơ quan hành chính Nhà nước. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi sử dụng Giấy chứng nhận, các tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Do bị cáo phạm một lúc hai tội danh nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng

hợp hình phạt buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

Đối với chị Lưu Thị N, chị N không biết V đã trả hết tiền cho ngân hàng và nhận giấy tờ xe về hay chưa, do chị N không tham gia vào việc kinh doanh của V. Vào ngày 02/3/2019, chị N theo V đến Văn phòng Công chứng P đường B, phường T, quận P để ký hợp đồng mua bán xe nhưng không biết giấy chứng nhận đăng ký xe là giả, nên không có cơ sở xử lý về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với Nguyễn Văn D không thừa nhận làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016155 nên không đủ cơ sở xử lý Nguyễn Văn D về hành vi làm giả tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức, cũng như hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với hành vi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô tải hiệu VEAM, biển số 51C-429.30, do chưa rõ đối tượng thực hiện nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P đã ra Quyết định tách vụ án hình sự và tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự để xử lý sau.

Đối với Vũ Minh T, nhận thấy trong quá trình công chứng hồ sơ anh T đã thực hiện đúng quy trình công chứng, do đó không đủ cơ sở xử lý anh T về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Đối với các khoản nợ liên quan tới xe ô tô hiệu Mazda biển số 51C-714.31, hiện nay, bà Vũ Thị Kim H và ngân hàng PGBank có yêu cầu Trần Ái V trả nợ, nhận thấy đây là yêu cầu dân sự không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả, tại cơ quan điều tra và trước phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với một (01) xe ô tô tải hiệu VEAM, màu trắng loại VT200MB, biển số 51C-429.30, số máy D4BHE013560, số khung B1B4ELG01144. Qua xác minh được biết do Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại P (Trần Ái V là chủ doanh nghiệp) đứng tên sở hữu, là tài sản thế chấp thuộc quyền quản lý của Ngân hàng Thương mại cổ phần xăng dầu P. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trả chiếc xe trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần xăng dầu P để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng;

(Tình trạng vật chứng theo phiếu nhập kho số 341/PNK ngày 09/11/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận P , Thành phố Hồ Chí Minh);

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Lê Văn S1 yêu cầu bị hại – ông Nguyễn Văn Đ và bị cáo Trần Ái V liên đới có trách nhiệm trả lại số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng (đã cấn trừ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo V đã bồi thường cho anh trong giai đoạn điều tra). Quá trình điều tra, ông Đ đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được tuy nhiên tại phiên toà bị cáo V nhận thấy đây là thiệt hại do hành vi của bị cáo gây ra nên quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho anh S1 số tiền 30.000.000 đồng, nay bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của anh S1. Xét thấy đây là sự thoả thuận tự nguyện giữa bị cáo và anh S1, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng …". Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, khó có khả năng thi hành nên miễn cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Ái V phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"

* Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Trần Ái V 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

* Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 341; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

Trần Ái V 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"

* Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho bị cáo;

* Áp dụng Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Lê Văn S1 số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trả một (01) xe ô tô tải hiệu VEAM, màu trắng loại VT200MB, biển số 51C-429.30, số máy D4BHE013560, số khung B1B4ELG01144 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần xăng dầu P;

(Tình trạng vật chứng theo phiếu nhập kho số 162/PNK ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận P , Thành phố Hồ Chí Minh);

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm; và 4.000.000 (bốn triệu) đồng Án phí dân sự sơ thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo; người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an quận P ;
- VKSND quận P ;
- Chi cục THADS quận P ;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Huỳnh Hoàng Phương